

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cơ khí Xây dựng AMECC

Ngày
30/09/2025

7,800 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

-1.3%

-2.5%

-7.1%

DT thuần
Q3/25

630

tỷ VNĐ

QoQ: ▼431| -40.7%

YoY: ▲ 2.00| 0.3%

LN thuần
Q3/25

12.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.0| -59.6%

YoY: ▼8.70| -41.7%

LN sau thuế
Q3/25

7.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.56| -55.9%

YoY: ▼5.96| -44.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

5.1%

YoY: +/-▲ 0.3%

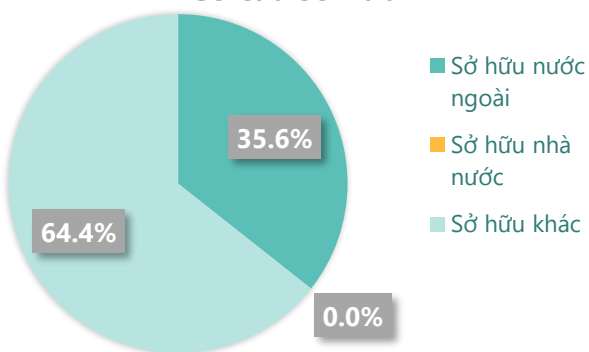
ROE (TTM)
Q3/25

4.4%

YoY: +/-▼ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,700 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	468
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,665
Sở hữu nước ngoài	35.6%
Beta	0.90
EPS	606
P/E	12.9

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
9T 2025

2,244

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 137| 6.5%

LN thuần
9T 2025

53.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.8| -26.0%

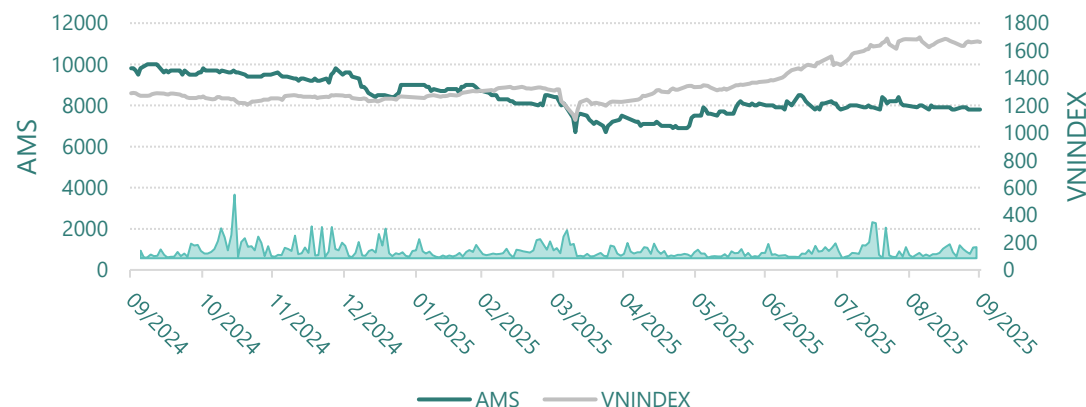
LN sau thuế
9T 2025

33.0

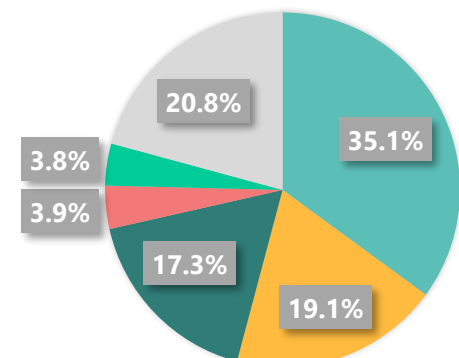
tỷ VNĐ

YoY: ▼18.3| -35.8%

Lịch sử giá



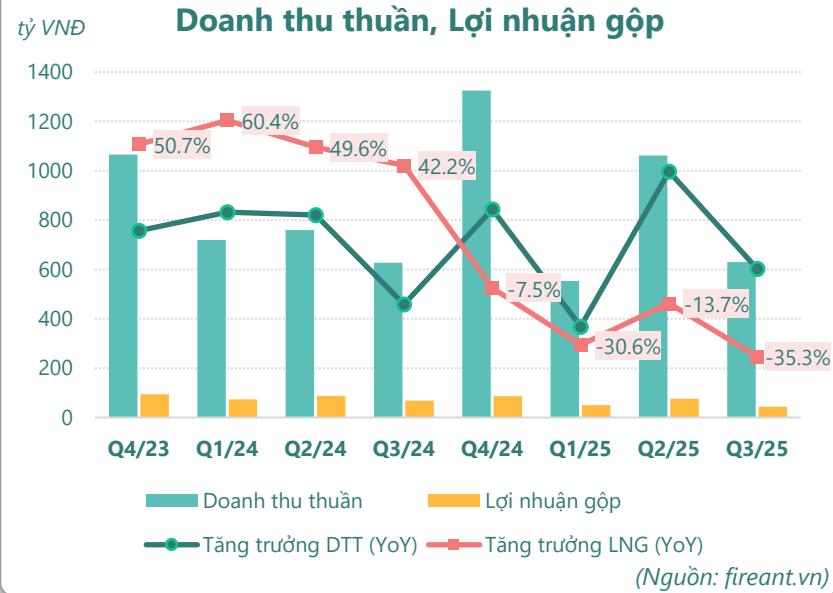
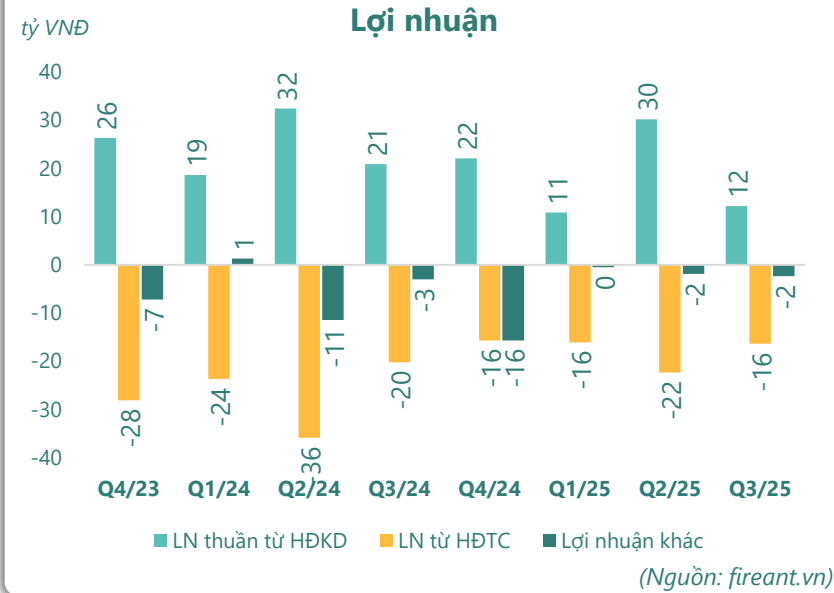
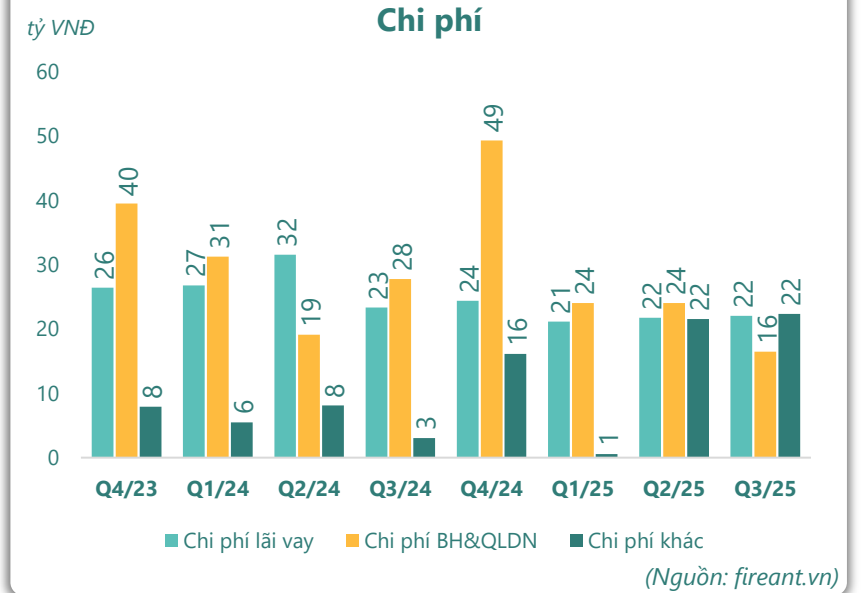
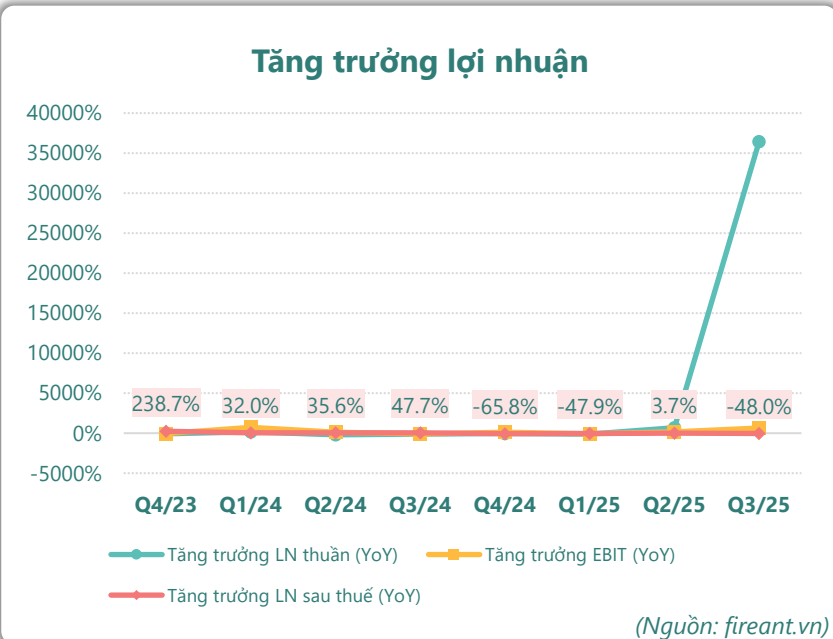
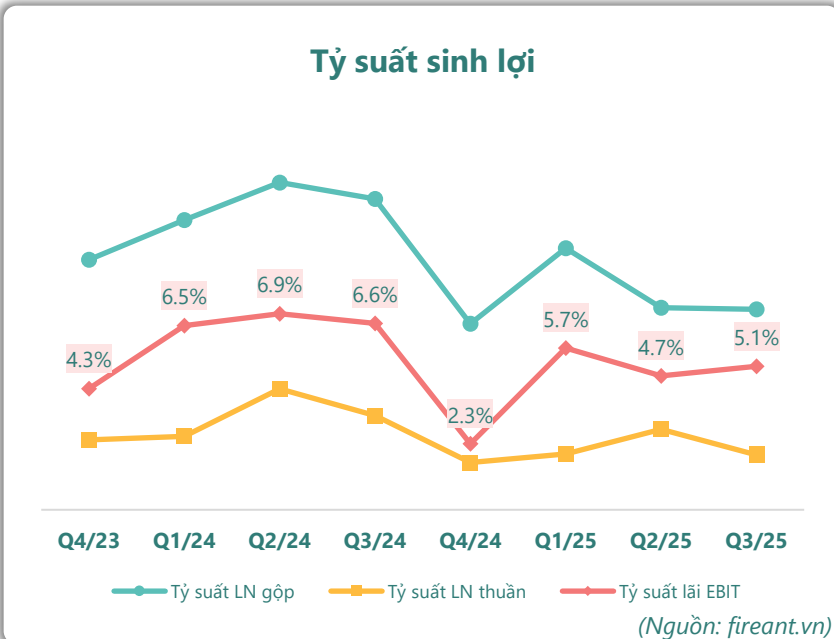
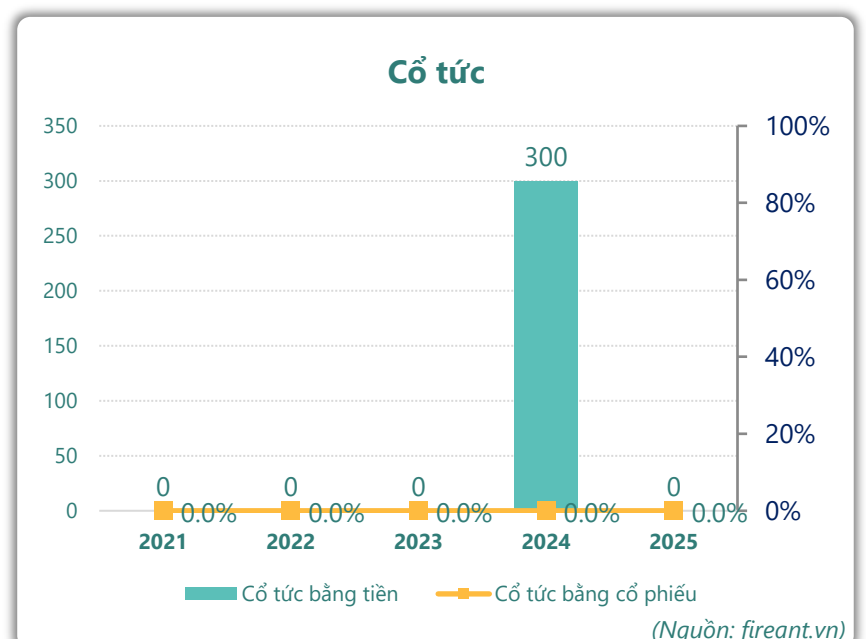
Cơ cấu cổ đông



- Sankyu Inc
- Nguyễn Văn Thọ (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Trương Minh Tuấn
- Nguyễn Đình Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH



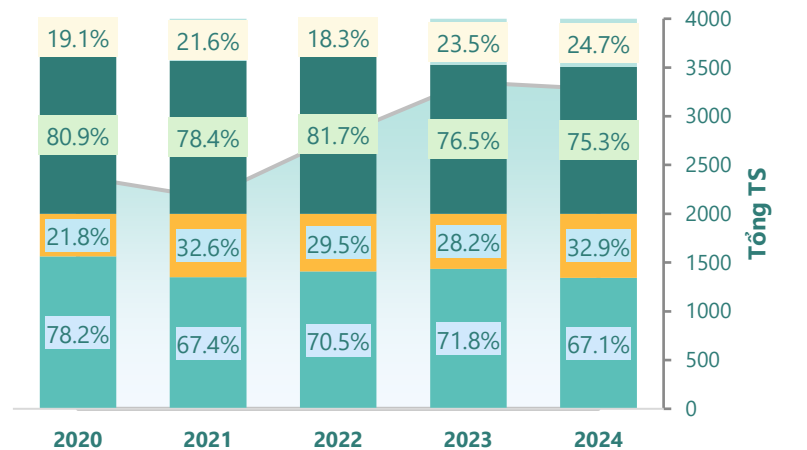


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

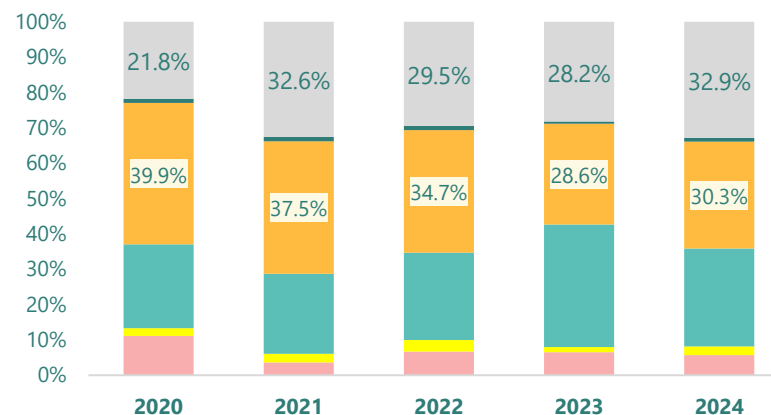
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

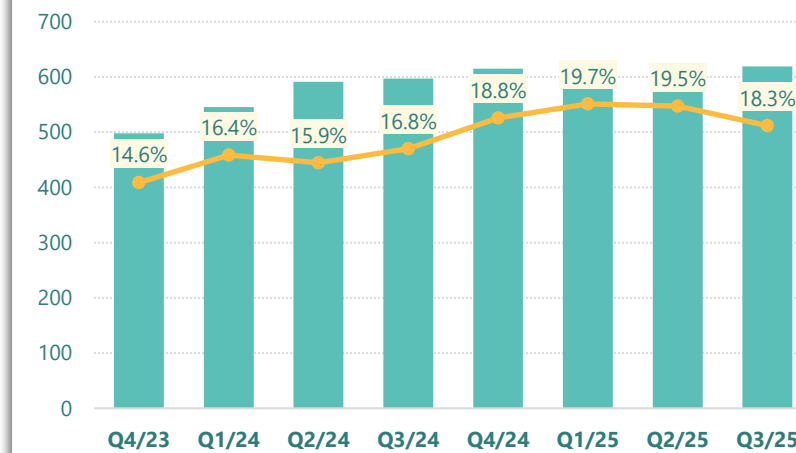


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

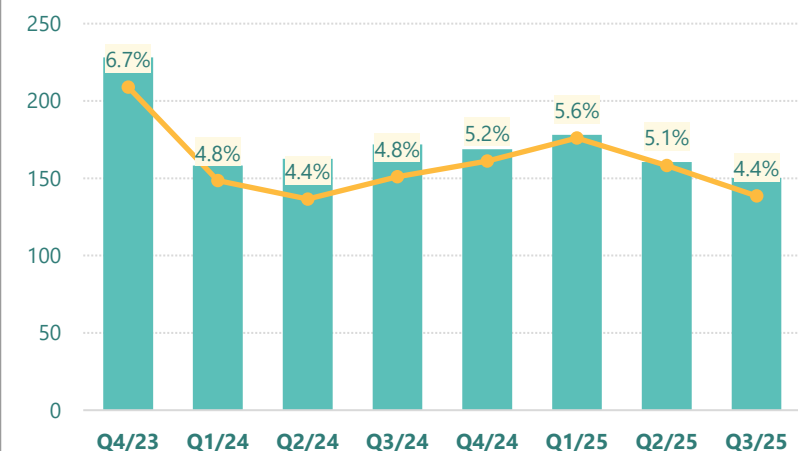


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

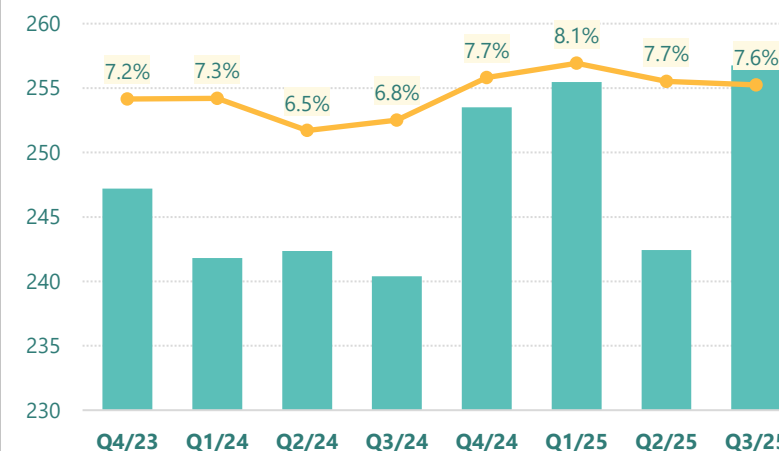


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

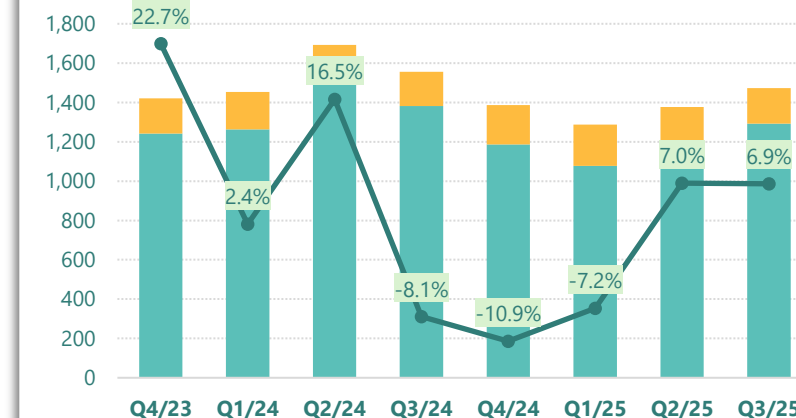


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



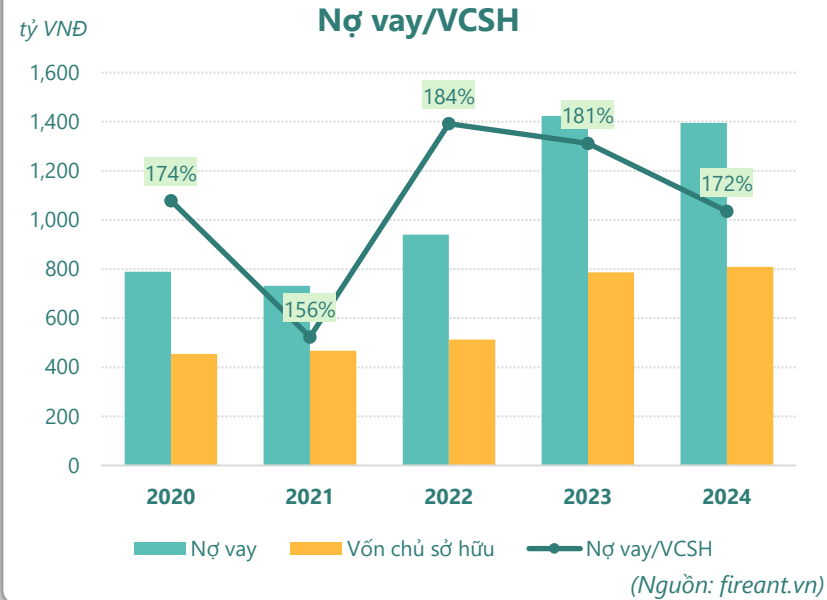
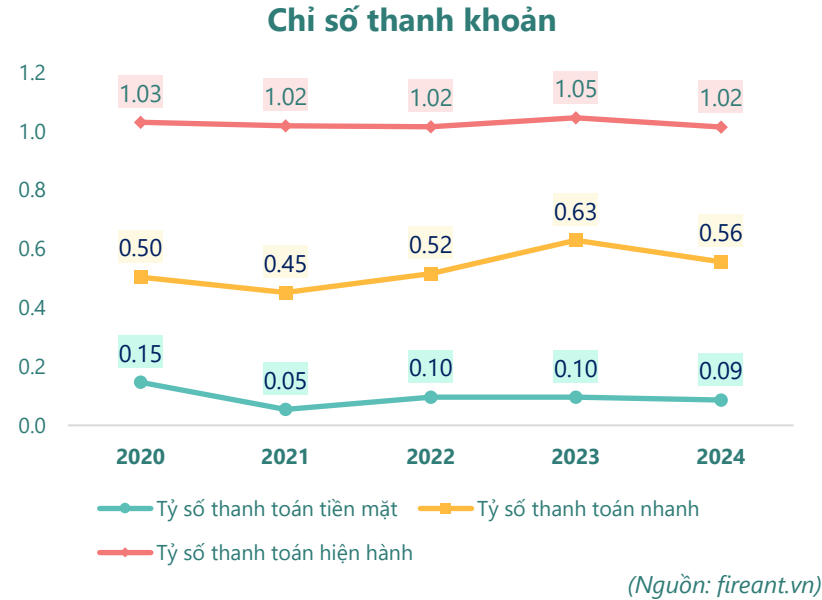
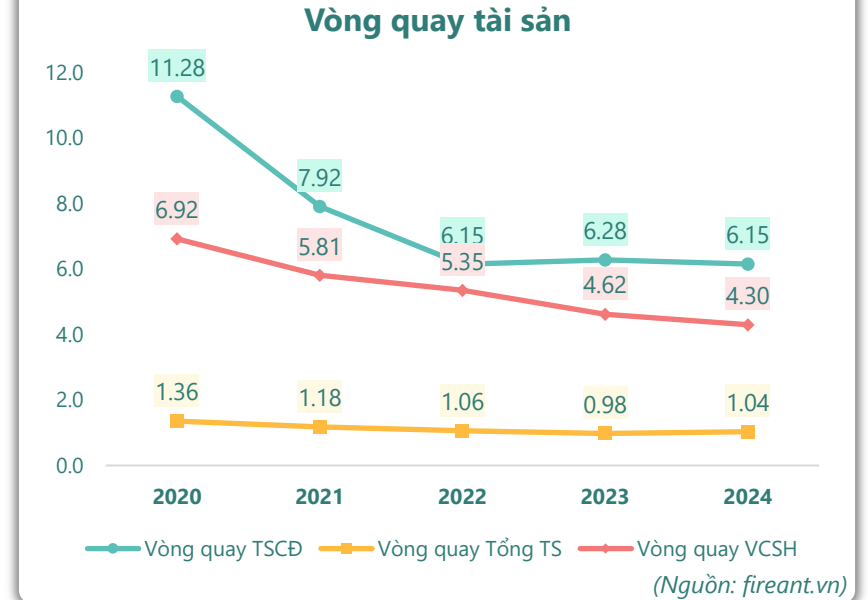
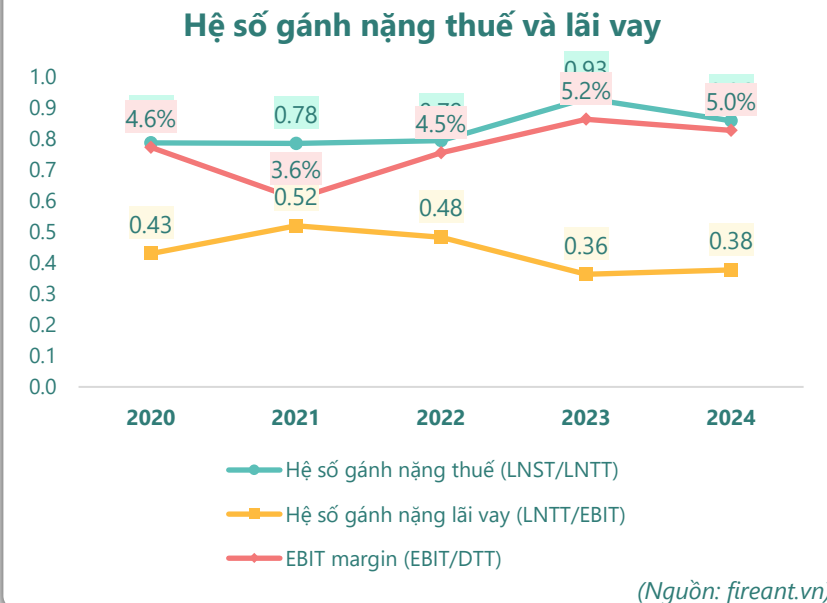
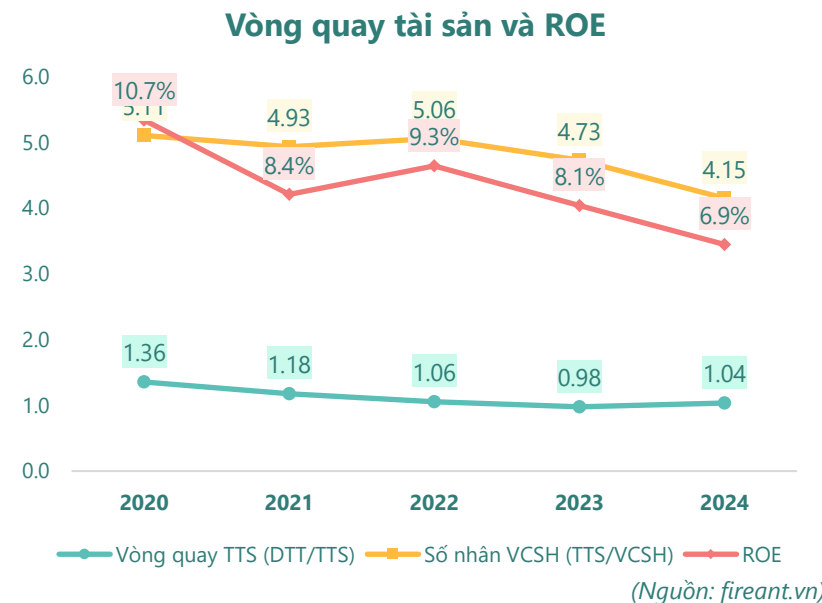
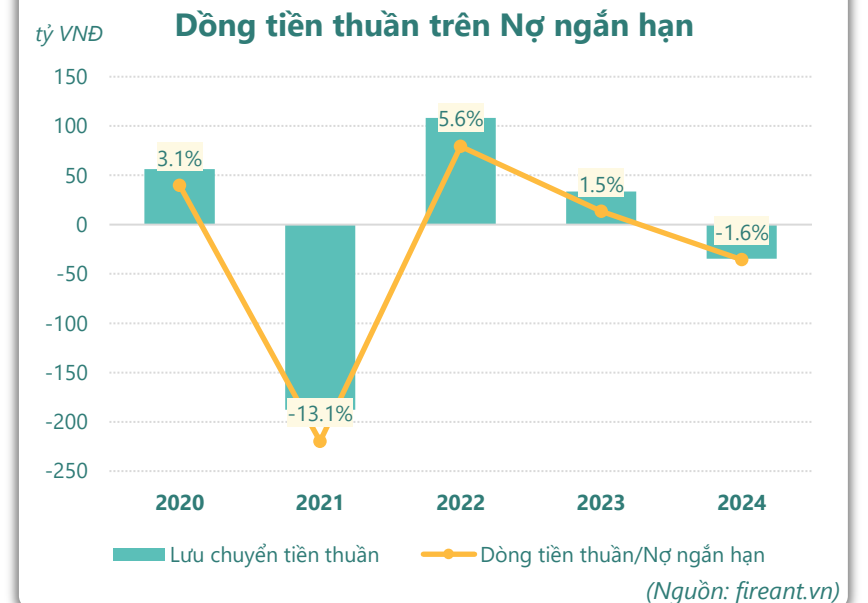
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	630	628	0.3%	2,244	2,107	6.5%
Giá vốn hàng bán	585	559	4.7%	2,073	1,877	10.4%
Lợi nhuận gộp	44.6	68.9	-35.3%	171	230	-25.6%
Doanh thu HĐTC	5.58	4.08	36.8%	15.6	12.6	23.8%
Chi phí TC	22.0	24.3	-9.6%	70.4	92.3	-23.7%
Chi phí lãi vay	22.0	23.3	-5.4%	65.0	81.8	-20.5%
LN trong công ty LKLD	0.50	0.07	613%	1.33	-0.27	597%
Chi phí bán hàng	4.59	6.35	-27.7%	17.5	26.7	-34.5%
Chi phí QLDN	11.9	21.5	-44.6%	47.1	51.5	-8.6%
LN thuần từ HĐKD	12.2	20.9	-41.7%	53.2	72.0	-26.0%
Lợi nhuận khác	-2.36	-2.98	20.8%	-4.66	-13.1	64.5%
LN trước thuế	9.83	17.9	-45.1%	48.6	58.8	-17.5%
Lợi nhuận sau thuế	7.54	13.5	-44.2%	33.0	51.3	-35.8%
LNST của CĐ cty mẹ	7.54	13.5	-44.2%	33.0	51.3	-35.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-186	312	138	6.35	106	-111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.4	-123	81.6	-12.5	-23.6	-85.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	235	-133	-187	-103	60.4	125
Tiền đầu kỳ	97.5	80.0	136	186	77.4	221
Lưu chuyển tiền thuần	-18.2	56.5	32.7	-109	143	-71.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.64	-0.64	0	0	0.39	-0.39
Tiền cuối kỳ	80.0	136	169	77.4	221	149

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,389	3,278	3.4%
Tài sản ngắn hạn	2,317	2,201	5.3%
Tiền và tương đương tiền	149	186	-20.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	137	81.2	68.1%
Phải thu ngắn hạn	868	906	-4.2%
Hàng tồn kho	1,086	993	9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	77.9	33.9	130%
Tài sản dài hạn	1,072	1,077	-0.5%
Phải thu dài hạn	23.8	22.9	4.1%
Tài sản cố định	619	618	0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	150	169	-11.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	257	242	6.2%
Tài sản dài hạn khác	22.1	26.3	-15.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,550	2,469	3.3%
Nợ ngắn hạn	2,290	2,168	5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,292	1,195	8.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	315	406	-22.5%
Nợ dài hạn	260	301	-13.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	181	200	-9.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	839	809	3.7%
Vốn chủ sở hữu	839	809	3.7%
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

